

## BẢN LUẬN 14

Trong Tăng thêm ba môn, có bốn mươi lăm môn. “Nói mười tướng là hoại sinh mạng...”, một chữ Hoại trên thông với mười tướng sau. Lời nói tạp ược gọi là Hoại. Chỗ làm sự nghiệp, là đối với sự nghiệp chân chánh, không chân chánh mới gọi là Ý ngữ. “Tác nghiệp hủy hoại của bảy loại trước” là bên ngoài hiển rõ thân ngữ mà gọi là nghiệp. “Kế đó hai loại Ý lạc tăng thêm”, là Vô tham và Vô sân, vì Chánh ý lạc. “Một loại phương tiện hoại cuối cùng”, là Chánh kiến mới là nhân của Chánh trí. “Nói ba căn”, là Tham, Sân và Tà kiến. Đây là nói về mười nghiệp, có ba nghiệp làm Gia hạnh, tùy chỗ thích ứng mà làm Cứu cánh, hoặc đây là thuyết minh riêng ba nghiệp đạo của ý.

- Môn thứ hai, văn phân hai đoạn:

1. Thuyết minh ba pháp khiến cho không thủ hộ căn.

2. Nhân chỗ trước mà phân rõ Nội pháp bốn loại Dục tham làm nhân.

- Sinh tử tăng trưởng gọi là Tà pháp. Y theo bốn chỗ là:

1. Tự thân lợi... bốn thứ Bạch pháp.

2. Oán.

3. Trung.

4. Thân gần bốn Bạch phẩm, là Lợi, khen, danh tiếng, Lạc.

Bốn Hắc phẩm, là Suy, Huỷ, Cơ, Khổ. Một là đối với Lợi... của tự mình mà sinh Dục tầm tư, mong cầu đạt được không cho mất, cho nên đối với Oán phẩm và Trung phẩm sinh Khuể tầm tư, cho đến muốn khiến cho mạng của người kia đoạn. Đối với Thân hữu phẩm, sinh Hại tầm tư, vì chỉ tổn não. Bà-tu-mật luận quyển 2 ghi: “Hai thứ Lợi và Suy, nếu y theo hữu tình lấy mười bảy Giới, mười một Xứ và năm Uẩn làm tánh, vì trừ ra âm thanh xa không thành vật chất”. Nếu đối với Phi tình, lấy bốn Giới bốn Xứ và một Uẩn làm thể, cũng như trên trừ âm thanh ra. Y theo Tất-bà-sa thì mười tám Giới, mười hai Xứ, năm Uẩn làm thể; y theo Phi tình thì sáu Giới sáu Xứ làm thể, vì có năm Trần và bốn Tướng. Y theo các sư của kinh bộ, Câu-xá luận ghi: “Suy không có riêng Thể, vật bị mất gọi là Suy”. Hiện tại luận này y theo người làm mất để phân rõ thể của Suy, lấy mười tám Giới làm tánh, ngược lại đây là thể của Lợi, cũng có mười tám Giới. Xưng, Dự, hủy và Cơ, theo Bà-tu-mật luận thì thể đều là âm thanh. Các sư Tất-bà-đa nói Danh cú văn làm thể, luận này hợp chung lấy Thanh danh Cú văn làm thể. Thể của hai loại Khổ lạc tức là Thọ, như Phật Địa luận nói, tuy phân rõ tướng

của nó nhưng không nêu ra thể.

- Phiền não thứ là có thể tiến đến quả, tức là ba mong cầu:

1. Dục cầu.

2. Hữu cầu.

3. Tà phạm hạnh cầu, là chỗ làm nhân để khởi mong cầu.

Trong ba loại Vô minh, “đều nói Tiền tế”, là Phát nghiệp vô minh đều gọi là Tiền tế, nhưng Xúc và Thọ đều có thể khởi Ái và Thủ. Nhuận sinh vô minh gọi là Hậu tế. “Lại có ba tướng có thể nhiếp tự tướng... của tất cả sắc pháp”, câu này có hai giải thích:

1. Đây là ba loại Sắc, tổng nhiếp hết tất cả Sắc:

a. Hữu kiến hữu đối là hiển hình biểu bên ngoài. “Chữ Biểu trong đây gọi là tác dụng”, là hành vi biểu thị tác dụng.

b. Vô kiến hữu đối là năm Căn và bốn Trần sắc còn lại. Luận nói, từ câu “đối với tự xứ sở của nó chướng ngại các Sắc khác” trở xuống, là tổng kết hai Sắc nói trên, phải biết tất cả tổng có mười Sắc.

c. Vô kiến vô đối, do đó nói “và Định địa sắc”. Đây là thuyết minh ba Sắc thuộc tự thân, cho nên chỉ nói chỗ có các Sắc của người tu phương tiện kia, tức là bên trong hóa độ tâm cảnh, cũng là chưa đầy đủ hóa độ tâm quả, hoặc chỗ biến hóa Sắc của Chánh thông quả cũng thuộc người khác, cho nên ở đây không nói. Lại nữa, nếu đắc Tịnh định là Thông quả sắc, thì người tu phương tiện là Nhân sắc kia, Thông quả sắc kia tức là Nội hóa tâm cảnh, phương tiện Sắc kia tức là Hóa tâm quả chưa đầy đủ, vì Cảnh là Tâm quả.

2. Ba Tướng, là chỉ có hiển hình biểu ba thứ trong Sắc xứ, vì tối thắng cho nên nói riêng. “Đối với xứ sở của tự nó chướng ngại các Sắc khác...”, là nương theo Sắc trước mà thuyết minh mười một loại Sắc.

Trong ba Dục, “phần nhiều sử dụng công lực nương theo duyên các Dục, là tất cả các Dục đang trụ hiện tiền”, là bốn cõi Dục thiên sau đây, Dục phần nhiều y theo hiện tiền, các Dục sinh khởi, dụng công niệm tưởng mới có thể từ Dục thiên đó mà sinh, hoặc lại do nghiệp Dị thực, phải dụng công mới sửa trị thành thực.

Ba Nhân, Sắc là hai, Phi sắc là một, Pháp nhân cũng nhập trong Tuệ, vì đồng với Phi sắc, đây là thuyết minh ba Thừa nhân quả đồng có, không nói Phật nhân, kinh Trang Nghiêm nói có mười Nhân, như phần số phẩm Phương tiện trong kinh Pháp Hoa.

Lại nữa, “ba loại Tâm nhất cảnh tánh có thể khiến cho chứng đắc Như thật trí kiến”, như thứ tự của nó thì thứ nhất là Tập nghiệp, thứ hai là đã Tập hạnh, thứ ba là đã Siêu độ, là ba loại Tác ý tương ứng định.

Lại nữa, thứ nhất là Văn tuệ và Tư tuệ; thứ hai là Tu tuệ, là ba tuệ của thế gian tương ứng với Định; thứ ba là Siêu độ, là Vô phân biệt trí tương ứng với Định. Lại nữa, Văn tư tu tương ứng với Đẳng trì, vì có thể sinh Vô lậu chân trí kiến, Hạnh là Năng duyên, Tướng là Cảnh thể, vì Hành sở Hành tướng cho nên gọi là Hành tướng, đây là thông với nghĩa giải thích Vô lậu đẳng trì, vì Vô phân biệt trí không có Hành tướng. Hoặc tướng trạng của hành và giải, cho nên gọi là Hành tướng, đây là y theo ba Tuệ vị và Định của Hữu lậu mà giải thích.

“Sinh xứ bất tịnh, nhân Siêu việt”, là ba nẻo ác và tám thời không nhân hạ, gọi là Sinh xứ bất tịnh, ba Tịnh nghiệp thân ngữ ý gọi là nhân siêu việt Sinh xứ bất tịnh kia.

Ba Mâu-ni nghiệp, tức là ba Thiện nghiệp.

“Là do chỗ phỉ báng hủy phạm của người khác, cho đến chỗ khởi Tâm, Quý và Ái kính”, là đối với chỗ phỉ báng và hủy phạm của người khác mà sinh hổ thẹn, vì đoái nhìn người khác mà sinh hổ thẹn. Đối với chỗ phỉ báng hủy phạm của tự mình mà sinh xấu hổ, vì đoái nhìn người khác mà sinh xấu hổ, đánh mất lợi ích lớn, biết rõ nhân duyên sinh Tâm và Tín tăng gấp bội, gọi là Ái kính, đối với Tam bảo không có ái kính thì gọi là đánh mất lợi ích lớn, hoặc đối với ba Xứ, mỗi mỗi đều có thể khởi ba thứ Tâm, Quý và Ái kính, không cần phối hợp riêng.

Ba thứ Tối thắng vô thượng:

1. Trí vô thượng, là trong ba Trí, Vô ngã trí làm Căn bản, hai trí đầu làm phương tiện, do ba trí này nhập Đế quán, cho nên nói riêng.

2. Hạnh vô thượng, là bốn Hạnh tích.

3. Giải thoát vô thượng, là Bất động, là Tâm giải thoát. Đối với thế gian và xuất thế gian giải thoát, Hữu học và Vô học giải thoát, Thời giải thoát, chính là Bất động, là Tâm giải thoát, vì Tối vô thượng.

Trong tăng thêm bốn môn, có bốn mươi sáu môn, cũng có trái nhau, vì làm một môn.

Niệm trụ, Thể của nó tức là Tuệ, vì do tương ứng với Niệm, cho nên Tuệ mới trụ Cảnh.

Bốn loại trói buộc, vì chướng ngại tâm cho nên gọi là trói buộc, không phải cần thiết phiền não trói buộc tánh; do tâm nương vào chấp, thân là tự thể, cho nên thân liền trói buộc tâm; do tâm đồng thời với Thọ, lãnh thọ sâu sở duyên, thì trói buộc đồng thời với tâm; do tâm phân biệt rõ Sắc... làm cảnh giới, thì cảnh bị phân biệt liền câu chấp nơi tâm; tức là do Chân như, phân biệt và thân, ba pháp tương ứng với phiền não đồng thời, vì nhiễm ô phiền não tâm cho nên gọi là trói buộc. Quán bốn

nguyên nhân trên làm Cảnh, sinh chán sợ sâu xa mà lập bốn Niệm trụ, chỗ nương nội thân, trói buộc có thể nương vào tâm, có thể duyên Thọ đồng thời, năm phần vị đồng thời, thường cùng với tâm đồng thời, cảnh giới bị liễu biệt, trói buộc tâm năng liễu, và các phiền não tạp nhiễm đồng thời với tâm cho nên lập bốn trói buộc.

“Lại nữa, có bốn loại Dục cần làm trước hết, cho đến có thể đắc Thiện pháp và có thể tăng trưởng”, tức là bốn Chánh đoạn. “Hiện hành các bất thiện pháp”, là Luật nghi đoạn. “Và đoạn trói buộc kia” là Đoạn đoạn, Ác pháp chưa sinh gọi là trói buộc. Có thể đắc Thiện pháp, là Tu tập đoạn. Và có thể tăng trưởng, là Phòng hộ đoạn.

“Lại nữa, có bốn thứ Tâm định và Tâm trụ”, lựa riêng với Tán địa gọi là Tâm định; bên trong trụ một Cảnh, gọi là Tâm trụ.

“Bốn loại Tướng dẫn đầu Hý luận trói buộc”, là y theo bảy Hữu tướng, trừ Xả vô lượng của Hữu đánh .

“Chỉ nói trừ Dục tham”, đồng với Đại Trí Độ luận, như quyển 12 Hội thuyết.

“Thông với Hữu lậu, Vô lậu, Tha tâm sai biệt trí”, là Tha tâm trí hữu lậu không biết tâm Vô lậu, cũng không biết tâm Vô lậu kia có thể duyên Tự chứng phần... không biết Trí năng tri kia, là vì tự tâm không thể thấy. Tha tâm trí vô lậu có thể biết tâm Hữu lậu và tâm Vô lậu, cũng biết Trí năng tri, vì ba phần sau của Phật trí thông với Tự năng tri, nhưng chưa cần tác khởi bốn hạnh của Đạo, cũng chưa cần thông với người khác.

“Lại nữa, có bốn pháp có thể dứt tận Lậu... của cõi trên”, câu này có ba thuyết:

1. Tức là bốn Pháp tích, trong bảy Phương tiện, Kiến đạo, Tu đạo và Vô học đạo. Có thể dứt tận Lậu của cõi trên, là dấu vết.

2. Bốn Tích:

a. Đắc Hữu lậu tuệ, tức là bảy Phương tiện.

b. Kiến đạo vị, đã thiếu khuyết các Sự của phiền não và nghiệp quả.

c. Tu đạo vị, là vĩnh viễn đoạn không sót các Sự phiền não.

d. Vô học đạo, là vĩnh viễn đoạn không sót các Sự phiền não. Như chỗ đắc đạo, chuyển lại tu tập các Sự phiền não, thông với ba Xứ trên mà trừ Hữu lậu tuệ.

3. Thuyết thứ ba có bốn loại:

a. Hữu lậu tuệ, tức là Gia hạnh đạo.

b. Thiếu các phiền não là Vô gián đạo.

c. Thiếu các Sự là giải thoát đạo, vì trừ các thô trọng và quả pháp.

d. Vì đoạn không sót các Sự phiền não. “Như chỗ đắc trước kia chuyển lại tu tập”, là Thắng tấn đạo.

“Lại nữa, có bốn Hộ”:

1. Mạng hộ, không tiếc thân mạng, hộ trì chánh pháp, hoặc hộ thân mạng của người khác mà không tổn hoại, hoặc hộ chánh mạng của tự mình, không khởi ác nghiệp.

2. Lực hộ, là hộ trí tuệ, tồ phục chúng ma oán, hoặc hộ tự thân lực, vì lợi ích người khác, hoặc hộ năm Lực, là tồ oán không khuất phục.

3. Tâm phiền não hộ, là hộ các phiền não, không làm nhiễm ô tâm, vì hộ chánh pháp mà khởi các phiền não.

4. Xua đuổi người ác hoại chánh pháp, là Chánh phương tiện hộ, là phương tiện thiện xảo tập hành chánh pháp.

“Lại nữa, có bốn loại có thể đắc chánh pháp cho đến chuyên chú một duyên”:

1. Đối với Cảnh không thuận thì không Tham.

2. Đối với Cảnh không nghịch thì không Sân.

3. Biết đúng mới hành là không Si, khi duyên các Cảnh mà hành thì chánh hạnh thanh tịnh.

4. Chuyên chú một duyên, là Chánh niệm. Một loại sau, khi trụ thì thanh tịnh.

“Lại nữa, do bốn Hạnh có thể chứng rõ và giải thoát”:

1. Niệm.

2. Nhãn.

3. Tuệ.

4. Thân.

Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, hai giải thoát và Lưu tận, như thứ tự có thể chứng thân, tức là thân của năm Uẩn và bốn Uẩn.

“Bốn là tánh động của Khinh...”, là Năng tạo và Sở tạo của Phong, cùng với Khinh tương tự cho nên gọi là Khinh... vì tánh của Phong là động cho nên gọi là tánh động của Khinh... Lại nữa, cáo các Bộ lập Tác ý tâm sở là tánh động, luận này thì nói cùng với Khinh tương tự, vì tánh của Phong hay động, không phải Tác ý.

“Bốn pháp có thể trụ hữu tình” là bốn loại ăn.

“Bốn pháp làm dấu vết của Thức” là bốn Thức trụ, Kiến đã hưởng tới, Sắc v.v... năm căn lấy làm Sở duyên, cảnh giới Sở y của sáu Cảnh

sắc đồng thời có, như vậy thứ tự phối hợp với Căn, năm Trần và pháp Xứ.

“Bốn loại đối đáp luận bàn ghi chép”, là thuần ghi chép... có bốn luận. Bốn sự ghi chép của người, là đối với pháp Thật tướng, như hỏi Pháp thân của Như Lai, là tánh Chân giác... đáng lẽ chỉ thuần ghi những lời như vậy, để hiển rõ quả hơn kém của người hỏi, phải phân biệt ghi, mong cõi trời là kém, mong các quả khác là hơn, ẩn mật không hiển rõ nghĩa câu hỏi, cũng không phải chỉ thuần một môn, sự hơn kém của người hỏi, phải chất vấn rằng: “Ông từ phương sở nào”? Như vậy lần lượt quán sát ý quanh co của họ, chất vấn ngược lại thì vô cùng, chất vấn thật người tạo tác người thọ nhận của hữu tình, phải xả bỏ sự đặt để ghi chép.

Bốn cách ghi chép, là đối với pháp Thật tướng, mà chất vấn “Chân như là Thường phải không”? Đáng lẽ phải ghi chép dứt khoát; chất vấn “Nghịch quả trong thân hữu tình, Dị thực của nó phải quyết định sinh hay không”? Nhuận hoặc tận là Dị thực không sinh, Nhuận hoặc chưa tận là Dị thực sắp sinh. Quán sát ý quanh co của họ mà thỉnh hỏi thuyết pháp, chỉ nên hỏi ngược lại, không nên khai mở giải thích, chất vấn “Thật pháp của Uẩn đang là Hữu hay Vô”, phải nên xả bỏ Trí ký. Ký là Ký biệt (thọ ký), vì ghi nhận được Biệt giải thoát.

“Bốn Phương tiện nhiếp chúng”, tức là bốn Nhiếp sự:

1. Bố thí.
2. Ái ngữ.
3. Lợi hạnh.
4. Đồng sự.

Như thứ tự mà phối hợp. Bốn trường hợp chết, như quyển 5 trước giải thích.

Lại có bốn Thanh tịnh đạo, “Một là không phải căn công dụng viên mãn...”, đây tức là bốn Hạnh tích:

1. Khổ thông chậm.
2. Khổ thông nhanh.
3. Lạc thông chậm.
4. Lạc thông nhanh.

Như thứ tự mà phối hợp, độn căn gọi là chậm, lợi căn gọi là nhanh. Vị chí địa và Vô sắc địa gọi là Khổ, vì Định tuệ thiên một bên. Căn bản tĩnh lự gọi là Lạc, vì Kiến đạo và Tu đạo chuyển. Vị chí địa tuy gọi là có Hỷ lạc vì chưa viên mãn, nhưng chỉ gọi là Khổ. Công dụng căn, là Luyện căn. Nhưng Bồ-tát địa y theo phàm thánh sai biệt thì cùng với

luận này bất đồng, đến Thanh văn địa sẽ phân rõ.

“Nhất lạc mà không phải lợi ích...”, Sinh tử nhiều ích gọi là Lạc, Xuất thế nhiều ích gọi là lợi ích..., nghĩa sai biệt căn cứ theo đây mà biết.

“Là Quốc vương, vua tế tự, giết ngựa tế tự”, là các quốc vương đó hằng ôm lo sợ, diệt trừ oán địch... vì có thể khiến cho tự mình và người mang khổ. Người chủ tế tự tuy rất tự tại, nhưng tự mình phải giết ngựa... để cúng tế, có thể khiến cho tự mình và người đều là khổ không phải phước.

Bốn lỗi của lời nói là Hư cưỡng, Ly gián, Thô ác, Tạp uest.

Trong Tăng thêm năm môn, có hai mươi bốn môn. “Có năm loại lỗi Lợi dưỡng nhân hạnh...”, tức là năm loại Xan trong Thành Thật luận. Nếu tại Xan đó mà thọ dụng lợi dưỡng, tức là Xứ xan. Nếu từ Xan đó mà đắc, tức là Gia xan, cũng gọi là Thí chủ xan. Nếu vật có được, tức là Thí vật xan. Nếu do làm mà được, tức là Xưng tán xan. Nếu như vậy mà được, tức là Pháp xan. Trụ xứ xan, là riêng ta trụ ở đây, không dùng người khác, nếu có người khác, thì ta hằng làm chủ. Gia xan, là riêng ta có nhà này. Không dùng người khác vào, nếu có người khác đến, thì trong đó ta là tối thắng. Thí vật xan, là ta riêng lấy vật này, không dùng để cho người khác, nếu cho người khác, thì chỉ riêng ta phần nhiều được tán thán hơn hết.

Xan, là chỉ riêng xưng tán ta, chớ xưng tán người khác, nếu xưng tán người khác thì chớ khiến cho hơn ta. Pháp xan, là chỉ riêng ta có thể biết giáo nghĩa của các kinh, chớ khiến cho người khác biết, nếu có người có thể biết thì đều cạn cợt hơn ta.

“Lại nữa, có năm pháp khiến cho người tu hành trước hết hủy phạm tịnh giới...”, tức là năm Cái. Cái thứ nhất và thứ hai hủy phạm tịnh giới, ba Cái sau thì hủy Đa văn, thiếu Chỉ quán cho nên không thể lãnh thọ, đó là Hôn miên cái, hay quên mất là Trạo hối cái, không quyết định là Nghi cái.

“Y theo Kiến đạo phần sau mà nói ba Kết”, là vì không vượt qua ác đạo cho nên Biên kiến tùy theo Thân kiến, Kiến thủ tùy theo Giới thủ, và Tà kiến tùy theo Nghi mà sinh. Nói Căn bản có ba thứ, tức là Nhiếp mạng có sáu thứ. Si tương thông với ba cõi, Sân và Tham tăng trưởng tại Dục, chỉ nói Tham khuể thì liền nhiếp Ngu si, không vượt qua cõi dưới, cho nên chỉ nói năm thứ làm phần kết sau. Lại nữa, do Thân kiến không tiến đến giải thoát, do giới Cấm thủ mê lối chánh đường tà, do Nghi nghi ngờ đối với chánh đạo, đối với giải thoát chướng, cho nên

chỉ nói ba loại đầu làm nhân của nẻo ác.

Trong năm thứ Kết phần trên, “Kết không có sai biệt”, là y theo cõi mà phân rõ Kết, không y theo người. Ngoài ra còn có ba loại: Y theo người để phân rõ Kết có sai biệt, Tính lự của nó tức là cõi người. Do Ái mà Trạo cử sinh, nhân theo Ngã mà Mạn và các Mạn khác sinh, nhân theo Nghi mà Vô minh tăng trưởng, gọi là Kết không có sai biệt. “Không xả Sinh đắc tính lự của phần trên”, là vì làm ba thứ Nã, có sai biệt đều là Tu sở đoạn, cho nên trừ Kiến thủ, Vô nghi gọi là Si, vì A-la-hán đoạn.

Có năm thứ không tín kính:

1. Đối với Đại sư.
2. Đối với giới.
3. Đối với tâm.
4. Đối với tuệ.
5. Đối với ba loại đồng Phạm hạnh không có kính tin.

Có năm loại Tà hạnh:

1. Đối với kẻ oán mà khởi sân.
2. Đối với người thân mà phá hoại.
3. Thường muốn khiến cho sinh ưu khổ, mà làm các sự không nhiều ích.
4. Hoại Thi-la của tự mình.
5. Hành ba ác hạnh.

Trong đây có ba loại là Đẳng lưu quá hoạn:

1. Vì sân oán, là có nhiều oán địch.
2. Vì hoại tình thân, là vì bạn bè thân thuộc chống trái xa lìa.
3. Vì làm các sự không lợi ích khiến cho sinh khổ, chủng chủng ưu khổ hằng hiện tiền. Ba loại này là quả Đẳng lưu đời sau. “Một loại quả Đẳng lưu hiện pháp”, là hành ba ác hạnh, sau đó đoạ vào nẻo ác.

Thời tiết ngu, là ngu đối với thời tiết. Sát-na sinh diệt vô thường mà kế chấp là Thường. Phần vị ngu, là ngu đối với phần vị của ba Thọ, đối với Khổ chấp là Lạc. Tự tánh ngu, là ngu đối với tánh của năm Uẩn, Vô ngã chấp là Ngã. Môn thứ tư thì quy về lợi dưỡng, môn thứ năm thì tâm mà nói là mạng, gọi là năm pháp Sở trị.

Hai Thắng hạnh:

1. Định thắng hạnh.
2. Trí thắng hạnh.

Định thắng hạnh có bốn loại:

1. Nhân theo nghe, vì nương vào ngôn luận của Thánh đế mà hiểu



đúng nghĩa pháp.

2. Nhân theo ngôn âm quảng đại mà đọc tụng kinh điển.
3. Nhân vì người khác mà khai xiển diệu nghĩa.
4. Tại Không xứ, tư duy quán sát kỹ.

Ba loại sau làm thông lệ đồng với một loại trước, cho nên nói như đối với do nghe, do âm thanh quảng đại... mà hiểu đúng dẫn các nghĩa pháp, phải biết cũng vậy. Tri thắng hạnh, là tư duy để đối trừ Tham dục của thượng phẩm, đó là làm loại thứ năm.

Có năm loại tu Quán hạnh: Đồng tin Bồ-đề và Niết-bàn là hai thứ Ý lạc, là hai loại. Liên tục ân cần trân trọng tu tập chánh trí, là loại thứ ba, tức là Văn tuệ và Tư tuệ. Ân cần cần trân trọng không gián đoạn tu Xa-ma-tha, là loại thứ tư. Ân cần cần trân trọng không gián đoạn tu Tỳ-bát-xá-na, là loại thứ năm, tức là Tu tuệ. Ba loại sau gọi là Phương tiện đầy đủ.

“Có hai loại đối với Sơ tinh lự, Sơ thọ đã sinh rồi chứng nhập Niết-bàn”, Đối Pháp luận ghi: “Đã sinh cõi Sắc rồi thì thánh đạo hiện tiền”. Đây là y theo người trước khi chưa lìa cõi Dục mà nói, không phải quyết định chỉ có như vậy. Trong Thanh văn địa, thường rộng phân biệt. Vấn Đối Pháp... ghi: “Trung bát có ba loại, tùy theo người kia đắc quả rồi thì liền nhập Vô dư. Tại sao còn lại bốn loại là Bất hoàn, đã đắc Hữu dư rồi không phải liền nhập Vô dư? Trung bát có ba loại, tại sao tùy theo ba loại kia đã đắc năm Hữu dư rồi, thì liền nhập Vô dư? Đáp: Do bốn nhập, Sinh dấy khởi Kết cả hai đều chưa dứt tận, Sinh có khi tăng trưởng thì thế lực của nó rất mạnh. Khi mới đắc Hữu dư rồi thì không phải liền nhập Vô dư. Trung bát Bất hoàn thì Sinh và Kết đã tận, khởi Kết tuy còn, nhưng thế của nó nhỏ yếu, so sánh với Trung hữu sinh khởi, thì thế của nó chỉ có bảy ngày. Trung hữu đó suy kém, đã đắc Hữu dư rồi thì liền nhập Vô dư y”. Kinh Niết-Bàn quyển 36 ghi: Trung bát A-na-hàm có bốn loại tâm:

1. Phi học Phi vô học.
2. Học.
3. Vô học.
4. Phi học Phi vô học nhập Niết-bàn.

Loại thứ nhất là mới thọ sinh hữu Lưu tâm. Loại thứ hai là các tâm Vô lậu trước Kim cương định. Loại thứ ba là các tâm Vô lậu sau Giải thoát đạo. Ba loại trước này nhiếp hết tất cả. Trong thân Vô học nhập Vô dư y, tùy thuận Thuyết nhất thiết hữu bộ, lấy uy nghi của Vô phú-Vô ký dị thực mà nhập Vô dư, cho nên loại thứ tư này chỉ nói Phi học

Phi vô học nhập Niết-bàn. Lại nữa, Chân thật lý môn, một sát-na cuối cùng cũng chỉ có Thức thứ tám Vô phú vô ký nhập Vô dư y, cho nên loại thứ tư này chỉ nói nhập Niết-bàn, ba loại còn lại không nói nhập Niết-bàn. Lại nữa, kinh Niết-bàn đó lại ghi: “Trong bốn loại tâm, có hai loại là Niết-bàn, hai loại là Phi niết-bàn”, là lấy tâm Vô học nhập Hữu dư y, lấy tâm thứ tư nhập Vô dư y, hai loại trước thì không phải. Lại nữa, luận này trở xuống, nói: “Muốn nhập Vô dư y thì phải trước hết nhập Vô tướng định”, tức là Ý thức của tâm Vô học này, Phi học Phi vô học của nó tức là Thức thứ tám, nếu nhập Diệt định mới nhập Niết-bàn, thì chỉ có Thức thứ tám này.

“Có năm loại tu Quán hạnh” là Dục, Khuể, Hại, Nhiễm và Tịnh, làm ba loại; cõi Sắc, cõi Vô sắc và Đẳng chí, làm loại thứ tư; Niết-bàn làm loại Quán hạnh thứ năm.

Trong tăng thêm sáu môn, hợp chung có mười sáu môn là y theo sáu tướng để tuyên thuyết tám loại Sự hữu tình sai biệt, là sáu Căn, sáu Cảnh, sáu Thức, sáu Xúc, sáu Thọ, sáu Tưởng, sáu Tư, sáu Ái, gọi là tám Sự. Sự sở y sai biệt của Ngã là sáu Căn. Sự cảnh giới sai biệt là sáu Cảnh. Sự tự tánh sai biệt, là sáu Thức, vì chấp Thức làm tự tánh của Ngã. Sự thọ dụng nhân sai biệt, là sáu Xúc, vì là nhân của Thọ. Sự thọ dụng sai biệt là sáu Thọ. Sự tùy thuyết sai biệt là sáu Tưởng, vì là nhân của ngôn thuyết. Sự tác dụng sai biệt là thân của sáu Tư. Sự hy vọng sai biệt là thân của sáu Ái, cũng gọi là sáu Dục, vì lấy Dục mà làm tự tánh.

Từ câu “đối với các Sự như vậy...” trở xuống là thuyết minh nương vào sáu tướng để tuyên thuyết tám Sự. Ngã y Nhân... là tướng thứ nhất; Ngã đối với các Cảnh của Sắc... là tướng thứ hai; kế chấp Thức làm Ngã gọi là Sự tự tánh sai biệt, thông chung trong Căn cảnh... mỗi mỗi đều phải nói do Xúc và Thọ, là tướng thứ ba; y theo Nhất tướng mà nói Xúc và Thọ sự có tên như vậy, cho đến tùy khởi ngôn thuyết là tướng thứ tư; tạo tác tất cả Pháp hạnh và Phi pháp hạnh là tướng thứ năm; đối với Sự khả ái, cho đến không trụ tổn giảm, là tướng thứ sáu. Trong Sự phi ái, chưa được thì mong không hợp, nếu hợp thì mong không trụ, nếu trụ thì mong tổn giảm.

“Lại nữa, đối với Tam bảo và Tam học có sáu thứ khinh miệt...”, là trong Tam bảo, đáng tin thì không tin; trong Tam học, đáng đắc thì không đắc, vì do Ác ngữ, cho nên hoàn toàn không có chỗ đắc. “Là tăng cõi trên thoái mất tất cả chỗ có thiện pháp”, tức là chỗ đáng tin thì không tin, đáng đắc thì không đắc.

“Lại nữa, có sáu thứ rất thanh tịnh...”, tức là sáu thứ hằng trụ. “Là bốn đại chủng, Không giới và Thức giới”, Sở y của Sắc là đại chủng, Sở y của Phi sắc là Thức giới, Sở y của hành động là Không giới, cho nên chỉ nói sáu thứ để làm thành hữu tình. Do câu thứ nhất này nói là các Sắc căn và Xứ sở y tùy chỗ thích ứng của nó mà đó là chỗ y chỉ của nó.

“Lược có sáu môn, có thể chương Đế hiện quán pháp”, là trong tăng thêm năm môn trước, Tam ngu khởi Tam đảo, tức là ba môn; quy về tâm lợi dưỡng làm môn thứ tư; hy vọng thọ mạng làm môn thứ năm. Năm môn này cùng với trước đồng.

Từ câu “trong đây sai biệt...” trở xuống là giải thích Chương thứ sáu, trong năm môn trước không có, cho nên nói như vậy. “Nói đây là trong Minh phần, không phải trong giải thoát Thành thực phần”, Thành thực phần là Gia hạnh đạo. Minh phần là Tư lương đạo, mới câu Vô lậu tuệ sáng tỏ cho nên tại Minh phần, khởi sáu thứ chương này không phải Thành thực phần. Lại nữa, sau Kiến đạo gọi là Minh phần, Gia hạnh đạo gọi là Thành thực phần, hiện tại luận này chỉ có chương Minh phần của Kiến... không phải chương Thành thực phần, vì chương Đế hiện quán. Lại nữa, từ câu “Thân của nhân thiên” trở xuống, là thuyết minh nhập Thánh vị, là Minh của cõi trên. Người từ nhân thiên được nhập Thánh vị gọi là từ minh nhập minh. Năm loại Thủ tướng, trong tăng thêm năm môn trước, là tướng Vô thường, Khổ và Vô ngã, đối với nghịch tướng trong Thực ác, yếu tướng trong mạng, đối với hạnh thú hưởng Niết-bàn là giới, đối với hạnh thú hưởng tư tài là thí, Thú hưởng sinh Thiên là tu.

Có sáu pháp gọi là Vô thượng:

1. Thấy Đại sư.
2. Nghe chánh pháp.
3. Đắc Tịnh tín.
4. Khởi Tùy học và Học xứ.
5. Chỗ khởi niệm hạnh đối với Đại sư.
6. Chỗ thừa sự cúng dường đối với Đại sư.

Tăng bảy môn, hợp chung mười lăm môn. “Niệm thông với ba phẩm”, là trong Hữu nhân hữu cụ Thánh chánh Tam-ma-địa ở trước. Niệm là Định phần, luận này thì thông với hai môn, Tu sinh đối với Định, niệm tùy Định mà tăng trưởng, nhớ rõ Chỉ quán, lý thì thông với Định tuệ.

“Định chương giải thoát, không phải phiền não chương giải thoát

mà kiến lập Thân chứng”, Định của nó chướng Thế, có nghĩa của hai Sư, An Tuệ Bồ-tát... nói: “Trong ba tánh tâm đều có pháp chấp”, trong đó có nói Duyên khởi luận của Bồ-tát Thế Thân nói Vô minh thông với ba tánh. Ba tánh tâm của Hữu lậu đồng thời với Vô minh, làm chướng thế của Vô lậu định, các tán tâm không phải thiện tâm, đồng thời với Vô minh làm chướng thế của Hữu lậu định. Bồ-tát Hộ Pháp... giải thích không phải như vậy. Du-già... nói: “Vô minh có hai loại, một là bất thiện, hai là Vô ký”. Du-già luận... không nói Vô minh có thiện tánh, Định chướng Vô minh là Sở tri chướng. Tuy có hai tâm, nhưng không có Ký tánh. Trong tám tâm của cõi Dục, Dị thực sinh sở nhiếp, Đối Pháp quyển 2 ghi: “Có hai loại pháp Ứng đoạn pháp”, là các phiền não và Thọ sở y này, vì phiền não đoạn cho nên kiến lập Trạch diệt, vì hai Thọ đoạn cho nên lập Bất động diệt và Tưởng thọ diệt, tức là hiển Định chướng Dị thực mà sinh thọ và Câu vô minh lấy làm tự tánh, vì lãnh thọ thấp kém không thể tiến tu, trong Thắng định, là các tánh thô cứng rít nhám, đây là nói biệt hạnh, nếu nhiễm tâm đồng thời thì tất cả đều như vậy. Trong hai mươi bảy loại Hiền thánh, thì bảy loại này là Tổng quả đầu, còn lại hai mươi loại thì y theo Biệt mà kiến lập Sở y, chỉ nói bảy loại này.

“Lại nữa, vì ba nhân duyên bảy loại hạnh...”, là Thú nhập, An trụ, Nhiếp thọ, gọi là ba Nhân duyên. Chánh kiến, Chánh tư duy gọi là Thú nhập nhân duyên; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng gọi là An trụ nhân duyên; Chánh tinh tấn và Chánh niệm gọi là Nhiếp thọ nhân duyên. Do ba nhân duyên và bảy đạo chi này khiến cho định tâm trong tâm chuyên chánh một duyên.

“Lạc do bảy Thánh tài sinh”, là Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn, Xả và Tuệ, như thứ tự mà phối hợp. Bảy sức Ma phẩm tùy thứ tự của nó ngược với bảy Thánh tài.

“Lại nữa, có bảy loại Niết-bàn là chỗ đối trừ pháp...”, là đối với Suy tổn thứ nhất, có một Đối trị, Thế là Tham dục. Đối với Suy tổn thứ hai, có hai Đối trị, một là đối với Đạo, hai là đối với Đạo quả, là tâm không tin hiểu. Đối với Suy tổn thứ ba, có bốn Đối trị, là Giải đãi, Thất niệm, Tâm loạn và Ác tuệ. Bảy nhân này có hai là do bất thiện căn khởi cho nên gọi là Phẩm loại.

Trong bảy Thức trụ, “Thân dị loại” trở xuống, là Thân dị thứ nhất. “Tưởng dị phải biết cùng với Thân dị này” trở xuống, là Thân nhất tướng nhất thứ hai. “Phạm Thế” trở xuống, là Thân dị tướng nhất thứ ba. “Tĩnh lự thứ hai” trở xuống, là Thân nhất tướng dị thứ tư. Văn lược

bớt không nói “Vô sắc” trở xuống ba đoạn. Có bảy thô trọng,  
tức là bảy Tỳ miên.

Có bảy pháp tránh sự dừng nghỉ, tức là bảy pháp Diệt tránh:

1. Hiện tiền Tỳ-ni.
2. Úc niệm Tỳ-ni.
3. Bất si Tỳ-ni.
4. Tự ngôn trì Tỳ-ni.
5. Không thấy tội tướng Tỳ-ni.
6. Phần nhiều không thấy tội tướng.
7. Như cỏ che đất.

Tức là như thứ tự phối hợp xuống bảy loại tránh sự trái phạm.

-----